

県総体ダブルス タイムテーブル

【個人戦・ダブルス】

※前の試合が終わる頃にコートに待機 Bが男子 Gが女子の試合番号を示す

※第1試合の審判は、その台の第2試合の生徒が行う

区分	コート	9:30～			11:00頃～			12:30頃～					
1 列目	1	B101	B116	B131	B207	B222	B305	B403	5 準 々 々 々 決 勝	準 決 勝	決 勝	表 彰	1
	2	B102	B117	B132	B208	B223	B306	B404					2
	3	B103	B118	B133	B209	B224	B307	B405					3
	4	B104	B119	B134	B210	B225	B308	B406					4
	5	B105	B120	B135	B211	B226	B309	B407					5
	6	B106	B121	B136	B212	B227	B310	B408					6
	7	B107	B122	B137	B213	B228	B311						7
	8	B108	B123	B138	B214	B229	B312						8
	9	B109	B124	B139	B215	B230	B313						9
	10	B110	B125	B201	B216	B231	B314						10
2 列目	11	B111	B126	B202	B217	B232	B315		5 準 々 々 々 決 勝	準 決 勝	決 勝	表 彰	11
	12	B112	B127	B203	B218	B301	B316						12
	13	B113	B128	B204	B219	B302	B401						13
	14	B114	B129	B205	B220	B303	B402						14
	15	B115	B130	B206	B221	B304							15
	16	G101	G116	G131	G208	G223	G306	G403					16
	17	G102	G117	G132	G209	G224	G307	G404					17
	18	G103	G118	G133	G210	G225	G308	G405					18
	19	G104	G119	G134	G211	G226	G309	G406					19
	20	G105	G120	G135	G212	G227	G310	G407					20
3 列目	21	G106	G121	G136	G213	G228	G311	G408	表 彰	表 彰	表 彰	21	
	22	G107	G122	G137	G214	G229	G312					22	
	23	G108	G123	G138	G215	G230	G313					23	
	24	G109	G124	G201	G216	G231	G314					24	
	25	G110	G125	G202	G217	G232	G315					25	
	26	G111	G126	G203	G218	G301	G316					26	
	27	G112	G127	G204	G219	G302	G401					27	
	28	G113	G128	G205	G220	G303	G402					28	
	29	G114	G129	G206	G221	G304						29	
	30	G115	G130	G207	G222	G305						30	

※会場練習 ・ ・ 会場準備が終わり次第、①男子15分間 ②女子15分間 の順で行う予定。台の割振は特に無し